

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYỄN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 8 - 2022
Về việc Ly hôn và tranh chấp về con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYỄN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Bà Nguyễn Thị Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn và con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2022/QĐST-HGND, ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tiến Đ; Nơi cư trú: Thôn 9, xã K, huyện T, thành phố H; vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị T; Nơi cư trú: Thôn 9, xã K, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào năm 2002. Sau khi cưới vợ chồng về sinh sống cùng gia đình anh Đ tại thôn 9, xã K, huyện T, thành phố H. Quá trình chung sống cho đến nay thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề làm ăn kinh tế lẫn chăm

lo gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm nay không thể hàn gắn được. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019, để giải phóng cho nhau anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đỗ Thị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên: Nguyễn T T, sinh ngày 12/02/2003; Nguyễn T H, sinh ngày 11/10/2006 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 14/10/2011, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả ba con chung sống cùng chị T. Khi ly hôn con chung tên Nguyễn T T đã trưởng thành trên 18 tuổi có khả năng lao động nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai con tên H và D đang do chị T chăm sóc khi ly hôn anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi cả hai con, anh sẽ có trách nhiệm cùng chị T trong việc nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị T có tài sản chung nhưng để hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án.

Bị đơn chị Đỗ Thị T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị T về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề cuộc sống, anh Đ không chung thủy nên cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh Đ xin ly hôn chị T nhận thấy tính cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ với nhau được nữa nên chị đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên: Nguyễn T T, sinh ngày 12/02/2003; Nguyễn T H, sinh ngày 11/10/2006 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 14/10/2011, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cả ba con chung sống cùng chị T. Khi ly hôn con chung tên Nguyễn T T đã trưởng thành trên 18 tuổi có khả năng lao động nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị được nuôi hai con tên H và D.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh Đ tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ có tài sản chung anh Đ không yêu cầu chia tài sản chị T sẽ về bàn bạc thống nhất lại với anh Đ về việc phân chia tài sản chung nếu không được sau này sẽ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm hôm nay. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán, đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về ra Thông báo thụ lý vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc lập hồ sơ vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp và yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, xác minh, cấp tổng đạt và tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã đảm bảo tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến Đ và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Tiến Đ được ly hôn chị Đỗ Thị T; Về con chung: Con chung tên Nguyễn T T, sinh ngày 12/02/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và giao cả hai con chung tên Nguyễn T H, sinh ngày 11/10/2006 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 14/10/2011, cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết; về tài sản chung: Anh Đ và chị T thống nhất trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng để hai bên tự thỏa thuận giải quyết nếu sau này không giải quyết được sẽ có đơn đề nghị Tòa án sau; Về án phí: Nguyên đơn anh Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Đ vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn là chị Đỗ Thị T đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai

nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Xét anh Nguyễn Tiến Đ và chị Đỗ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2002, quyển số 01, ngày 22 tháng 4 năm 2002 là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thể hiện: Anh Đ và chị T chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc đến nay thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, trong làm ăn kinh tế. Do mâu thuẫn nên vợ chồng căng thẳng nên đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm nhau từ năm 2019. Nay anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T, bị đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa song đã có quan điểm trình bày xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đồng ý ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh Đ và chị T là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung

Anh Đ và chị T có 03 con chung tên Nguyễn T T, sinh ngày 12/02/2003; Nguyễn T H, sinh ngày 11/10/2006 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 14/10/2011. Con chung tên Nguyễn T T, sinh ngày 12/02/2003 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh Đ và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hai con chung tên Nguyễn T H, sinh ngày 11/10/2006 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 14/10/2011, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay đều do chị T trực tiếp chăm sóc, khi ly hôn anh Đ và chị T có nguyện vọng tiếp tục được nuôi cả hai con. Tuy nhiên việc giao con chung chưa thành niên cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng cần đảm bảo tốt mọi mặt, xét về điều kiện nuôi con chung của anh Đ và chị T là như nhau nhưng do điều kiện công việc anh Đ đi làm xa việc nuôi con sẽ không đảm bảo tốt. Mặt khác 02 con chung tên H và D đều có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ để ổn định cuộc sống, học tập. Hội đồng xét xử, xét cần giao cả hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ và chị T đều thống nhất trình bày để hai bên tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung

Anh Đ và chị T thống nhất trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng để hai bên tự thỏa thuận với nhau nếu sau này không giải quyết được sẽ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Tiến Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Tiến Đ được ly hôn chị Đỗ Thị T.
2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn T H, sinh ngày 11/10/2006 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 14/10/2011, cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Đỗ Thị T thống nhất trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng để hai bên tự thỏa thuận với nhau nếu sau này không giải quyết được sẽ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007829, ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Phục Lễ, h. T;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

